

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Năm 2019, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện miền Trung hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình như sau:

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm theo dõi chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, cùng với lực lượng quản lý vận hành nhiệt tình, có trách nhiệm và ngày càng được nâng cao trình độ kỹ năng tay nghề đảm bảo cho việc vận hành ổn định nhà máy và xử lý nhanh chóng các tình huống đáp ứng công tác sản xuất.
- Nợ vay giảm thấp nên giảm áp lực tài chính cho hoạt động của công ty. Việc phối hợp tốt giữa đơn vị và các đơn vị chuyên ngành điện và các cơ quan ban ngành địa phương tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho công tác sản xuất của công ty.

2. Khó khăn:

- Thiết bị vận hành đã qua thời gian dài, thế hệ cũ làm tăng chi phí bảo dưỡng, gây khó khăn trong sửa chữa, thay thế và dễ gây sự cố ảnh hưởng ổn định vận hành sản xuất.
- Tình hình thời tiết cực đoan gây khó khăn cho hoạt động của công ty con gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động công ty.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

TT	Diễn giải	Thực hiện	Kế hoạch năm	Tỷ lệ (%)
1	Điện thương phẩm(10 ³ kwh)	121,14	110,00	110,13
2	Doanh thu (tỷ đồng)	172,96	150,42	114,98
	<i>Doanh thu bán điện (tỷ đồng)</i>	<i>166,206</i>	<i>145,42</i>	<i>114,29</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính (tỷ đồng)</i>	<i>6,698</i>	<i>5,00</i>	<i>133,96</i>
	<i>Doanh thu khác</i>	<i>0,06</i>	-	-
3	Lợi nhuận trước thuế	118,16	95,81	123,33
4	Lợi nhuận sau thuế	111,40	91,02	122,39
5	Trích lập quỹ	5,57	4,55	122,41
6	Lợi nhuận sau trích lập quỹ	105,83	86,47	122,39

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

1. Công tác sản xuất:

a. Tình hình sản xuất điện

- Hình thái thời tiết năm 2019 mặc dù đã chuyển về pha trung tính nhưng vẫn nghiêng về pha nóng, khu vực Khánh hòa thủy văn ở mức trung bình, về cuối năm nguồn nước bổ sung không nhiều, Công ty đã cân đối điện phát năm để đảm bảo vận hành cao điểm mùa khô trong năm 2020.

- Để tận dụng tối đa hiệu quả nguồn nước, Công ty luôn đảm bảo để hệ thống thiết bị nhà máy được vận hành ổn định, nhanh chóng khắc phục một số sự cố khách quan, lập biểu đồ vận hành hợp lý.

- Sản lượng điện sản xuất đạt 121,14 triệu kwh đạt 110,13% kế hoạch đề ra.

b. Công tác quản lý vận hành nhà máy

- Để đảm bảo hiệu quả nguồn nước, Công ty tập trung công tác duy tu bảo dưỡng nhà máy đảm bảo vận hành. Tranh thủ các thời điểm dừng máy theo kế hoạch để thực hiện các công tác bảo dưỡng thiết bị.

- Tự chủ thực hiện được một số công tác và xử lý nhanh chóng sự cố nên giảm thiểu thời gian dừng máy ngoài kế hoạch, đặc biệt là giờ cao điểm nên nâng cao giá bình quân.

- Đảm bảo dự phòng trang bị thiết bị và vật tư chất lượng nên tăng thời gian vận hành, giảm thiểu sự cố dừng máy.

c. Công tác quản lý công trình xây dựng, môi trường và PCLB:

- Công ty thường xuyên thực hiện công tác duy tu sửa chữa, kiểm tra giám sát để đảm bảo các công trình xây dựng nhà xưởng, đê đập, hầm dẫn nước, đường giao thông phục vụ trong công tác vận hành trong điều kiện các công trình đã qua thời gian dài vận hành và ảnh hưởng của điều kiện khí hậu thời tiết mưa lũ nên xuống cấp và hư hỏng nhưng chưa được đầu tư sửa chữa lớn.

- Công tác quản lý đê đập hồ chứa, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường luôn được công ty quan tâm và thực hiện nghiêm túc theo đúng qui định pháp luật.

2. Công tác tài chính kế toán:

Cơ cấu tài chính đến ngày 31/12/2019:

- Công ty mẹ:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị	Chỉ tiêu	Giá trị
Tài sản ngắn hạn	154,007	Nợ ngắn hạn	20,045
		Nợ dài hạn	21,617
Tài sản dài hạn	255,159	Vốn chủ sở hữu	362,503
Tổng tài sản	409,166	Tổng nguồn vốn	409,166

Cơ cấu tài chính Công ty được duy trì với tổng nguồn vốn của Công ty đến 31/12/2019 là **409,166 tỷ đồng**. Tài chính Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản, tỷ số nợ/tổng tài sản chỉ còn ở mức 11,99%, hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức trên 7,12.

- Tài chính hợp nhất:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị	Chỉ tiêu	Giá trị
Tài sản ngắn hạn	108,61	Nợ ngắn hạn	103,16
		Nợ dài hạn	211,16
Tài sản dài hạn	716,00	Vốn chủ sở hữu	510,29
Tổng tài sản	824,61	Tổng nguồn vốn	824,61

Các chỉ số tài chính hợp nhất của Công ty hiện tại đảm bảo an toàn.

- Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và căn cứ thực tế dòng tiền, Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt trong năm với tỷ lệ là 20% (2.000 đ/cổ phần), tương ứng với số tiền là 63,999,938,000 đồng. Trong tháng 01/2020 Công ty đã tạm ứng thêm 5% tương ứng 15,999,984,500 đồng. Tổng cộng đến thời điểm đại hội, Công ty đã tạm ứng đủ cổ tức 25% năm 2019 theo NQ ĐHĐCĐ.

3. Công tác đầu tư:

- Căn cứ chủ trương đầu tư của ĐHĐCĐ công ty và quyết định của HĐQT từ năm 2013, Công ty đã góp vốn đầu tư thủy điện Trà Xom như sau:

Công suất nhà máy :	20MW
Điện lượng thiết kế năm:	84 triệu kwh
Hoàn thành phát điện:	năm 2015
Tổng mức đầu tư :	749,87 tỷ đồng
Vốn điều lệ Công ty TĐ Trà Xom:	260,00 tỷ đồng
Mức vốn góp của SEB :	168,85 tỷ đồng (64,94% VDL)

Thủy điện Trà Xom là thủy điện được qui hoạch trong vùng có chuỗi thủy văn tốt, nếu vận hành đúng điện lượng thiết kế theo thời điểm hiện tại sẽ đạt doanh thu năm khoảng 115 tỷ đồng và có hiệu quả. Tuy nhiên trong những năm vừa qua, đặc biệt năm 2019 khu vực chịu hạn hán lịch sử, sản lượng điện phát đạt thấp do đó gặp khó khăn trong cân đối vốn.

- Về dự án nhà máy điện mặt trời Ea Krong Rou 8MWp, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, Công ty đã triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư hiện đã xin chủ trương tỉnh Khánh Hòa nghiên cứu đầu tư dự án, tư vấn lập báo cáo khả thi, xin bổ sung qui hoạch điện lực và đã được Bộ Công thương hợp thẩm định và thống nhất bổ sung qui hoạch. Hiện nay vẫn chưa có quyết định mới của Bộ Công thương và Chính phủ do đó Công ty chưa tiếp tục triển khai.

Việc triển khai tiếp theo Công ty sẽ căn cứ tình hình cụ thể, tính toán hiệu quả đầu tư trong tình hình mới để báo cáo HĐQT xem xét quyết định.

4. Các hoạt động khác:

- Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt cho lực lượng vận hành, luôn đảm bảo đời sống, thu nhập cho lực lượng cán bộ nhân viên.

- Công ty luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, hoạt động có trách nhiệm với xã hội, đặc biệt là tại địa bàn khó khăn nơi Công ty hoạt động. Bằng nguồn quỹ phúc lợi, Công ty đã thực hiện tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, tham gia các chương trình chính sách xã hội và hỗ trợ sau thiên tai bão lũ tại địa phương...

5. Hoạt động sản xuất kinh doanh thủy điện Trà Xom:

- Tình hình sản xuất kinh doanh :

+ Điện năng thương phẩm sản xuất:	21,861 triệu kwh
+ Tổng doanh thu :	64,977 tỷ đồng
+ Chi phí:	65,439 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế :	-1,273 tỷ đồng

Năm 2019, tình hình thủy văn tại khu vực thủy điện Trà Xom khô hạn kéo dài, nguồn nước thiếu hụt trầm trọng. Điện năng sản xuất 21,861 triệu kwh chỉ đạt 26,02% điện lượng thiết kế nhà máy nên doanh thu và lợi nhuận đạt rất thấp so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận năm 2019 lỗ 1,273 tỷ đồng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020:

1. Tình hình chung:

- Tình hình thủy văn năm 2020 theo dự báo không được thuận lợi, đa số các thủy điện đều đang ở tình trạng thiếu nước trầm trọng ngay từ đầu năm. Nguồn nước tích lũy đầu năm phục vụ sản xuất của Công ty ở mức trung bình các năm, tuy nhiên thời tiết rất khó lường và nguy cơ thiếu nước thủy điện Ea Krong Rou vẫn còn, riêng đối với thủy điện Trà Xom sẽ tiếp tục thiếu nước trầm trọng.

- Biểu giá bán điện giờ cao điểm trong biểu giá chi phí tránh được năm 2020 có điều chỉnh giảm mạnh nên trong tình hình nguồn nước thiếu hụt sẽ làm giảm đáng kể doanh thu trong năm. Ngoài ra thuế TNDN năm 2020 hết thời gian ưu đãi giảm thuế đối với Công ty nên tăng thêm 5% so với năm 2019.

- Thiết bị công trình nhà máy vận hành thời gian dài, thế hệ cũ cần khắc phục, nâng cấp và phải làm việc trong chế độ chạy-dừng thường xuyên nên khó khăn trong việc duy trì hoạt động ổn định và làm tăng thêm chi phí vận hành.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 Công ty xây dựng như sau:

2. Kế hoạch SXKD năm 2020:

TT	Nội dung	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm (triệu kwh)	121,14	110,00	
2	Doanh thu (tỷ đồng)	172,96	155,48	
	<i>Doanh thu bán điện (tỷ đồng)</i>	<i>166,206</i>	<i>151,48</i>	
	<i>Hoạt động tài chính (tỷ đồng)</i>	<i>6,698</i>	<i>4,00</i>	

3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	118,16	99,38	
4	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	111,40	89,44	

3. Các công tác trọng tâm 2020:

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua, bám sát các nội dung chỉ đạo trong năm của HĐQT để hoàn thành tốt nhất kế hoạch SXKD Công ty năm 2020.
- Xây dựng và thực hiện hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhà máy hợp lý nhằm khai thác hiệu quả nguồn nước sản xuất điện. Phối hợp các bên xây dựng biểu đồ thực hiện phát điện nâng cao giá bán điện.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, kịp thời phát hiện để duy tu, bảo dưỡng nâng cấp thiết bị tránh các sự cố phát sinh trong vận hành. Chuẩn bị đầy đủ vật tư thiết bị dự phòng chiến lược nhanh chóng khắc phục sự cố vận hành.
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống các qui trình, qui định và phương án phục vụ công tác quản lý vận hành hồ đập và phòng chống thiên tai và thực hiện các công tác bảo đảm về an toàn và chất lượng công trình theo qui định pháp luật.

4. Kế hoạch Tài chính dự kiến năm 2020: (chi tiết kèm theo)

Trên đây là toàn bộ báo cáo về kết quả thực hiện công tác SXKD năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ thực hiện kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến xây dựng của Quý cổ đông.

Xin kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt! Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoài Nam

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2020

STT	Nội dung	KH 2020	Diễn giải
	A	8	
A	SẢN LƯỢNG ĐIỆN (kWh)	110.000.000,00	
B	DOANH THU	155.488.119.000	
1	Doanh thu SX điện	151.488.119.000	
2	Doanh thu hoạt động TC	4.000.000.000	
3	Doanh thu khác		
C	CHI PHÍ	56.107.909.330	
I	Chi phí hoạt động công ty	18.996.633.000	
	1/ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	5.683.423.000	
	Tiền lương	3.360.017.000	
	BHXH, BHYT, KPCĐ	594.206.000	
	Tiền ăn ca	122.600.000	
	Tiền bồi dưỡng các ngày lễ trong năm	98.000.000	
	Phí kiểm toán BCTC, bảo hiểm xe ô tô, sửa chữa xe ô tô, in ấn, VPP, Điện nước, điện thoại...	605.500.000	
	- Điện	60.000.000	
	- Nước	7.200.000	
	- Điện thoại VP, fax, Internet, ĐTDĐ	38.400.000	
	- Trang bị máy tính để bàn, máy in thay thế	39.000.000	
	- Văn phòng phẩm, chuyển phát tài liệu	30.000.000	
	- Phí kiểm toán 2019	90.000.000	
	- Bảo hiểm xe ô tô	60.000.000	
	- Sửa chữa xe ô tô, thay lốp, bảo dưỡng thường xuyên	50.000.000	
	- Sửa chữa thiết bị văn phòng, mực máy in, máy photocopy, in ấn phẩm	34.000.000	
	- Bảo hộ LĐ và trang phục làm việc	70.000.000	
	- Thuê dọn vệ sinh tại VP cty, mua CCDC vệ sinh	54.000.000	
	- Khám sức khoẻ 2019	9.100.000	
	- Bảo hiểm tai nạn cho CBCNV	9.800.000	
	Chi phí đào tạo, mua tài liệu nghiên cứu	24.000.000	
	- Chi phí thường xuyên khác: chuyển tiền, an ninh...	30.000.000	
	Xăng xe ô tô	269.600.000	
	Phí quản lý niêm yết 2019	93.500.000	
	Chi phí tiếp khách	300.000.000	
	Công tác phí	240.000.000	
	2/ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG - NHÀ MÁY	13.313.210.000	
	2.1/Tiền lương	8.110.581.000	
	2.2/BHXH, BHYT, KPCĐ	1.276.598.000	
	2.3/Tiền ăn ca	332.900.000	
	2.4/Tiền bồi dưỡng các ngày lễ trong năm	266.000.000	
	2.5/CP điện, điện thoại, bảo hiểm tài sản NM, khác..	1.455.900.000	
	- Điện	300.000.000	
	- Điện thoại VP, fax, Internet, ĐTDĐ của CBQL	66.900.000	
	- Cước đường truyền SCADA	100.000.000	
	- Chi phí phục vụ đo xa	23.000.000	
	- VPP, sửa chữa máy tính, mực máy in, máy photocopy	36.000.000	
	- Bảo hiểm xe ô tô	15.000.000	
	- Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và mở rộng các rủi ro phụ	155.000.000	
	- Bảo hiểm công trình kỹ thuật dân dụng đã Hthành	191.000.000	



STT	Nội dung	KH 2020	Diễn giải
	A	8	
	- Xăng xe ô tô	119.100.000	
	- Sửa chữa xe ô tô, thay lốp, bảo dưỡng thường xuyên	25.000.000	
	- Bảo hộ LĐ và trang phục làm việc	190.000.000	
	- Khám sức khoẻ 2019	24.700.000	
	- Bảo hiểm tai nạn cho CBCNV	26.600.000	
	- Chi phí phục vụ y tế tại Nhà máy	3.600.000	
	- Kiểm soát môi	100.000.000	
	- Xử lý chất thải độc hại	40.000.000	
	- Chi phí kiểm định công tơ đo đếm mua bán điện	40.000.000	
	2.6/Chi phí phục vụ vận hành 2019	1.871.231.000	
	- Chi phí vật liệu phục vụ SX điện	369.700.000	
	- Chi phí vật liệu phục vụ sửa chữa thường xuyên	436.646.000	
	- Nhiên liệu, vật liệu cho xe máy, ca nô phục vụ vận hành	50.680.000	
	- Chi phí vật tư phục vụ vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường	89.205.000	
	- Chi phí vật tư thay thế sau thí nghiệm định kỳ	45.000.000	
	- Chi phí thuê Cty CP ĐLKH vận hành đường dây 35KV và NXT 35kV	800.000.000	
	- Chi phí an ninh quốc phòng, PCCC	30.000.000	
	- Chi phí phòng chống lụt bão	50.000.000	
II	CHI PHÍ DÀI HẠN PHÂN BỐ 2020	3.390.433.330	
	Phân bổ công cụ dụng cụ SX	105.000.000	
	Sửa chữa đường hầm dẫn nước NM EaKrông Rou	365.433.330	
	Chi phí sửa chữa lớn 2018 - Thay thế bánh xe công tác	1.420.000.000	
	Chi phí sửa chữa lớn, XDCB đầu tư mới 2020	1.500.000.000	
III	C. PHÍ KHẤU HAO TSCĐ & CÁC CP KHÁC THEO KẾT QUẢ SXKD	33.720.843.000	
1	Chi phí khấu hao TSCĐ	14.746.820.000	
2	Chi phí HDQT, BKS, cổ đông 2019 (Bao gồm : CP thù lao, hợp HDQT, CĐ)	2.230.000.000	
3	Chi phí lãi vay	530.000.000	
	- Chi phí lãi vay của NM EaKroong Rou	530.000.000	
	- Chi phí lãi vay phục vụ SXKD		
4	Thuế tài nguyên	10.254.420.000	
5	Phí bảo vệ môi trường rừng 2020	3.960.000.000	
6	Tiền cấp quyền khai thác nước dùng cho SX thủy điện	1.333.699.000	
7	Chênh lệch tỉ giá	650.000.000	
8	Thuê đất khu nhà máy	15.904.000	
	Chi phí khác		
C	LÃI GỘP TRƯỚC THUẾ (C=A-B)	99.380.209.670	
D	Thuế TNDN (D = C x 10% x 50%)	9.938.021.000	
E	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN (E= C-D)	89.442.188.670	
F	TRÍCH LẬP CÁC QUỸ	4.472.109.000	
F.1	Trích lập quỹ ĐTPT từ thuế TNDN được miễn		
F.2	Trích lập 05% quỹ bổ sung VDL		
F.3	Trích lập 05% quỹ phúc lợi (F.3 = E x 5%)	4.472.109.000	
G	Lợi nhuận sau thuế TNDN và trích lập các quỹ (G= E-F)	84.970.079.670	
H	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ (%) (H = G/320 tỷ)	26,55	



Kế toán trưởng

Le Quang Dao

Nha Trang, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Tổng giám đốc



Nguyễn Hoài Nam